

CHẾ ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG PHÁP LUẬT TRIỀU NGUYỄN VÀ GIÁ TRỊ KẾ THỪA TRONG HOÀN THIỆN ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRƯƠNG VINH KHANG
Viện Nhà nước và Pháp luật,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 11/8/2026. Sửa chữa xong 03/10/2026. Duyệt đăng 15/10/2026.

Abstract

This article examines the penal system under the Nguyễn dynasty, with particular emphasis on the Hoàng Việt luật lệ (1813), to elucidate its foundations, structural characteristics, and operational mechanisms. It highlights the interaction between Legalist principles and Confucian ideology in shaping the system of punishment, as well as key features such as legal specificity, hierarchical organization, and supporting judicial mechanisms. From a historical and legal perspective, the study identifies several enduring values that may inform the continued development of Vietnam's criminal policy, particularly the need to balance rigorous law enforcement with humanitarian considerations.

Keywords: Criminal policy, Hoàng Việt Code, legal inheritance, Nguyễn dynasty law, penal system.

1. Đặt vấn đề

Trong dòng chảy lịch sử pháp luật Việt Nam, pháp luật triều Nguyễn đánh dấu bước hoàn thiện của pháp luật thành văn phong kiến. Đáng chú ý trong hệ thống pháp luật triều Nguyễn là Bộ Hoàng Việt luật lệ ban hành năm 1813. Bộ luật này phản ánh tương đối toàn diện quan niệm lập pháp, tổ chức quyền lực và phương thức quản lý xã hội của nhà nước quân chủ Việt Nam đầu thế kỷ XIX. Trong bộ luật này, chế định hình phạt đóng vai trò trung tâm, không những là công cụ trừng trị hành vi vi phạm pháp luật mà còn là phương tiện bảo vệ, duy trì trật tự xã hội, chuẩn mực đạo đức và củng cố quyền lực nhà nước. Trong bối cảnh mới hiện nay, khi Việt Nam đang tiếp tục hoàn thiện chính sách hình sự theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo đảm quyền con người và nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm, việc nghiên cứu các giá trị lịch sử của pháp luật truyền thống, nhận diện những yếu tố hợp lý trong cách thức lập pháp và chính sách xử lý tội phạm trở nên cấp thiết. Theo đó, việc phân tích và làm rõ giá trị kế thừa của chế định hình phạt trong pháp luật triều Nguyễn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng trong quá trình hoàn thiện chính sách hình sự ở Việt Nam hiện nay.

2. Cơ sở hình thành chế định hình phạt trong pháp luật triều Nguyễn

Chế định hình phạt trong pháp luật triều Nguyễn được thể hiện tập trung trong Bộ Hoàng Việt luật lệ với 398 điều, được xây dựng trên cơ sở kế thừa thành tựu lập pháp của các triều đại trước, kết hợp tham khảo kỹ thuật lập pháp của nhà Thanh. Nội dung bộ luật này phản ánh bản chất chuyên chế của chế độ, nhưng cũng cho thấy những nỗ lực đáng ghi nhận trong thiết lập, duy trì trật tự, kỷ cương trong quản lý nhà nước và xã hội thời kỳ đó. Bộ luật này còn là sản phẩm của những điều kiện lịch sử - chính trị, nền tảng tư tưởng và bối cảnh xã hội cụ thể của Việt Nam đầu thế kỷ XIX. Việc nhận diện các yếu tố đó góp phần làm sáng tỏ cấu trúc, nội dung cũng như cơ chế vận hành của chế định hình phạt dưới triều Nguyễn.

Trước hết, sự ra đời của chế định hình phạt gắn liền với yêu cầu thiết lập và củng cố nhà nước quân

Email: VinhKhangTruong@gmail.com

chủ chuyên chế tập quyền. Sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã sớm ban hành Bộ Hoàng Việt luật lệ, coi đó là công cụ hữu hiệu nhằm duy trì địa vị thống trị của mình. Chứa đựng những tư tưởng có tính áp đặt lên các xử sự của con người trong xã hội, Hoàng Việt luật lệ xác định những hành vi bị coi là tội phạm và duy trì hình phạt tương ứng, trước hết là để bảo vệ các quan hệ gắn với sự tồn vong của Vương triều nhà Nguyễn. Chính yêu cầu chính trị này đã chi phối mạnh mẽ tính chất của hệ thống hình phạt, các quy định trở nên hà khắc, cụ thể và hướng tới nhiều mục tiêu kiểm soát.

Thứ hai, ở thời Nguyễn, hệ tư tưởng Nho giáo giữ vai trò định hướng nhận thức và xử lý hành vi vi phạm trong xã hội, chi phối việc hình thành chế định hình phạt. Theo đó, hình phạt không chỉ nhằm trừng trị mà còn hướng tới điều chỉnh hành vi theo các chuẩn mực đạo đức. Trong *Hoàng Việt luật lệ*, việc lượng hình thường gắn với động cơ, hoàn cảnh và các quan hệ xã hội cụ thể của người phạm tội; các giá trị như trung, hiếu, nghĩa được chuyển hóa thành tiêu chí có ý nghĩa pháp lý. “Luật dưới thời phong kiến dù được xây dựng bởi hệ tư tưởng nào cũng đều mang tính chất tàn khốc, nhưng với tư tưởng nho giáo tính chất đó phần nào được giảm bớt” (Nguyễn Tài Thu, 1993, tr. 8). Tuy nhiên, sự chi phối này cũng làm cho pháp luật mang dấu ấn giai cấp, khi địa vị xã hội có thể ảnh hưởng đến việc áp dụng hình phạt.

Thứ ba, chế định hình phạt trong pháp luật triều Nguyễn cũng chịu tác động đáng kể của tư tưởng pháp trị, thể hiện ở yêu cầu xử lý nghiêm minh, rõ ràng giữa thưởng và phạt. Trong *Hoàng Việt luật lệ*, các quy định về hình phạt thường mang tính cụ thể, chặt chẽ và ít để lại khoảng trống cho sự tùy nghi trong áp dụng. Quan điểm này cũng phù hợp với nhận định: “Pháp gia chủ trương quyền thế vạn năng. Họ yêu cầu kẻ thống trị phải nắm lấy quyền giết hại và khen thưởng; chỉ có vậy thuật mới được thực thi, pháp mới được tôn trọng” (Lương Duy Thứ, 1998, tr. 48). Thậm chí, những vấn đề vốn được điều chỉnh bởi tư tưởng nho giáo như luân thường đạo lý cũng cần được điều chỉnh bởi pháp luật, các tội bất hiếu, bất nghĩa, loạn luân được xếp ngang hàng với các trọng tội chính trị “tội thập ác” (Vũ Văn Mẫu, 1975, tr. 184).

Thứ tư, chế định hình phạt dưới triều Nguyễn còn gắn liền với sự kế thừa pháp luật từ các giai đoạn trước cũng như tiếp thu kinh nghiệm từ bên ngoài. Ngay từ khi tổ chức biên soạn *Hoàng Việt luật lệ*, vua Gia Long đã xác định rõ định hướng lập pháp: “lấy luật lệ của các triều đại nước ta làm căn bản, tham chiếu luật Hồng Đức và luật Thanh triều” (Nguyễn Văn Thành và cộng sự, 1994, tr. 2). Định hướng này cho thấy sự tiếp nối truyền thống pháp luật Việt Nam, đặc biệt là từ *Quốc triều hình luật* thời Lê, đồng thời phản ánh sự tiếp thu sâu sắc ảnh hưởng của pháp luật nhà Thanh. Sự kết hợp đó đã tạo nên một hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh về mặt kỹ thuật, trong đó chế định hình phạt được quy định chặt chẽ, có tính hệ thống. Tuy vậy, quá trình này đồng thời cũng duy trì những yếu tố mang tính bảo thủ, nhất là trong cách tiếp cận nặng về trừng trị và việc duy trì các hình phạt hà khắc.

Những yếu tố ảnh hưởng trên được đặt trong bối cảnh kinh tế - xã hội đặc thù của Việt Nam đầu thế kỷ XIX, khi đất nước vừa trải qua một giai đoạn chiến tranh kéo dài và bước vào thời kỳ thống nhất dưới triều Nguyễn. Trên nền tảng kinh tế nông nghiệp lúa nước, cấu trúc làng xã - gia tộc tiếp tục được duy trì chặt chẽ, với các quan hệ xã hội mang tính thứ bậc rõ rệt (Nguyễn Thanh Tùng, 2025, tr. 4). Trong điều kiện đó, yêu cầu ổn định xã hội và củng cố kỷ cương trở thành nhiệm vụ trung tâm của nhà nước. Khi phương tiện quản lý còn hạn chế, pháp luật, đặc biệt là hệ thống hình phạt, phải được thiết kế theo hướng cụ thể, dễ áp dụng và có sức răn đe rõ rệt nhằm bảo đảm hiệu lực quản lý trên phạm vi rộng. Vì vậy, các hình phạt mang tính trực quan và tác động mạnh như hình phạt thân thể hay lưu đầy được sử dụng phổ biến như những công cụ kiểm soát xã hội hữu hiệu. Tuy nhiên, thực tiễn đời sống cũng đòi hỏi phải có sự điều chỉnh sao cho phù hợp trong từng trường hợp cụ thể, thể hiện ở việc cân nhắc hoàn cảnh, động cơ của người phạm tội để áp dụng các mức độ trách nhiệm khác nhau. Sự kết hợp giữa yêu cầu nghiêm khắc trong bảo vệ trật tự và khả năng điều chỉnh linh hoạt trong áp dụng đã góp phần định hình những đặc trưng cơ bản của chế định hình phạt trong pháp luật triều Nguyễn.

3. Chế định hình phạt trong pháp luật triều Nguyễn

Chế định hình phạt trong pháp luật triều Nguyễn được thể hiện tập trung trong *Hoàng Việt luật lệ*,

phản ánh tương đối đầy đủ đặc trưng của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam cả về nội dung lẫn kỹ thuật lập pháp. Trên cơ sở nghiên cứu các quy định cụ thể, có thể nhận diện một số đặc điểm nổi bật của chế định hình phạt trong pháp luật triều Nguyễn như sau:

Trước hết, hệ thống hình phạt trong *Hoàng Việt luật lệ* được xây dựng trên nền tảng tiếp thu mô hình “ngũ hình” của pháp luật Trung Hoa, bao gồm: xuy (roi), trượng (gậy), đồ (lao dịch), lưu (đày đi xa) và tử (tử hình). Tuy chịu ảnh hưởng rõ nét từ luật nhà Đường và nhà Thanh về kỹ thuật lập pháp cũng như cách thức tổ chức hệ thống hình phạt, nhưng sự rập thu này không mang tính sao chép mà đã có sự chọn lọc và điều chỉnh nhất định. “Năm hình phạt xưa là khắc dấu vào mặt, cắt mũi, cưa chân, thiến, lăng trì. Năm hình phạt ngày nay là roi, trượng, đồ, lưu, tử... Cần cẩn thận ghi như điều ấy” (Nguyễn Văn Thành và cộng sự, 1994, tr. 53). Sự thay đổi này phản ánh xu hướng giảm nhẹ tính tàn khốc của các hình phạt so với các thời kỳ trước. Đồng thời, có thể thấy rõ rằng “phần đóng góp và sáng tạo của những người soạn thảo bộ luật này, và cũng từ đó thấy tinh thần nhân đạo của nó. Điều dễ thấy nhất trong Bộ luật này là các cực hình trong luật nhà Thanh như: tru di tam tộc, lăng trì, yêm...hoàn toàn bị loại bỏ” (Vũ Văn Mẫu, 1975, tr. 14). Việc loại bỏ các cực hình này cho thấy nỗ lực giảm bớt tính hà khắc, điều chỉnh phù hợp với điều kiện xã hội và quan niệm cai trị thời bấy giờ.

Thứ hai, trên cơ sở “ngũ hình”, *Hoàng Việt luật lệ* xây dựng hệ thống hình phạt theo hai nhóm cơ bản là hình phạt chính và hình phạt bổ sung (Trương Quang Vinh, 2008, tr. 45) - hình phạt ngoài ngũ hình, được quy định khái quát trong phần Danh lệ (đặc biệt tại Điều 1) và cụ thể hóa trong hầu hết các điều luật; so với *Quốc triều hình luật* thời Lê, hệ thống này có xu hướng nghiêm khắc hơn, phản ánh yêu cầu tăng cường kỷ cương xã hội. Hình phạt chính bao gồm năm loại là xuy, trượng, đồ, lưu và tử, được phân bậc cụ thể: xuy có 5 bậc từ 10 đến 50 roi; trượng có 5 bậc từ 60 đến 100 trượng, trong một số trường hợp có thể chuyển đổi theo nguyên tắc 1 trượng = 2 roi; đồ gồm 5 bậc từ 1 đến 3 năm kèm mức trượng và có phép “Nhuận đồ”; lưu có 3 bậc tương ứng 2000, 2500 và 3000 dặm; tử hình gồm giảo và trảm, cùng một số hình thức nghiêm khắc hơn trong trường hợp đặc biệt. Bên cạnh đó, pháp luật còn quy định các hình phạt ngoài ngũ hình mang tính bổ sung như phạt tiền (áp dụng hạn chế), xâm chữ (ví dụ Điều 238 đối với tội trộm), mang gông xiềng (Danh lệ, Điều 239, 240), tịch thu tài sản trong các trường hợp mưu phản (Điều 223, 224) hoặc bồi thường thiệt hại (Điều 286, 287), sung vợ con làm nô tỳ đối với tội đặc biệt nghiêm trọng, cũng như các biện pháp kỷ luật quan lại như giáng phẩm trật, bãi chức, chuyển chuyển công tác (Điều 314, 374). Cách thiết kế này cho thấy hệ thống hình phạt được tổ chức vừa chặt chẽ theo trật tự phân bậc, vừa linh hoạt thông qua các chế tài bổ sung, đáp ứng yêu cầu xử lý đa dạng các hành vi vi phạm trong thực tiễn xét xử dưới triều Nguyễn.

Thứ ba, các quy định trong *Hoàng Việt luật lệ* thường được xây dựng theo hướng cụ thể, rõ ràng, gắn với từng hành vi vi phạm, qua đó tạo cơ sở trực tiếp cho việc áp dụng trong thực tiễn. Điều này thể hiện quan niệm đề cao quyền lực trừng phạt của nhà nước, coi đó là phương tiện quan trọng để kiểm soát xã hội và củng cố kỷ cương. Không chỉ dừng lại ở việc điều chỉnh các quan hệ pháp lý thuần túy, tư tưởng pháp trị trong pháp luật triều Nguyễn còn điều chỉnh những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của tư tưởng nhân trị. Các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức như bất hiếu, bất nghĩa, loạn luân không chỉ bị lên án về mặt đạo đức mà còn bị coi là tội phạm và chịu sự trừng phạt của pháp luật, thậm chí được xếp ngang hàng với các trọng tội chính trị trong nhóm “thập ác” (Vũ Văn Mẫu, 1975, tr. 184–185). Ví dụ, Điều 35 quy định: “Phạm những việc không nên làm (bất ứng vi) mà làm thì phải phạt 10 roi. Việc quan trọng thì phải phạt 80 trượng”. Với quy định này, hình luật có thể xử phạt cả những hành vi trái với chuẩn mực đạo đức, ngay cả khi không có điều khoản cụ thể dự liệu trước. Cách tiếp cận này trao cho quan lại xét xử quyền hạn đáng kể trong việc vận dụng hình phạt nhằm duy trì luân thường đạo lý và các thuần phong mỹ tục, đồng thời cũng làm tăng khả năng áp dụng pháp luật mang tính linh hoạt nhưng tiềm ẩn nguy cơ tùy tiện.

Thứ tư, chế định hình phạt trong *Hoàng Việt luật lệ* thường quy định mỗi hành vi phạm tội thường được dự liệu nhiều tình huống cụ thể. Ứng với mỗi tình huống là loại và mức hình phạt cụ thể cần áp dụng (Trương Quang Vinh, 2008, tr. 85). Khác với pháp luật hiện đại, nơi hình phạt thường được quy

định theo khung, pháp luật triều Nguyễn xác định sẵn mức hình phạt tương ứng với từng hành vi. Đồng thời, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng được quy định chi tiết trong từng điều luật để áp dụng cho các trường hợp khác nhau tùy theo tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi. Ví dụ, Điều 271 về tội “Đấu ấu” quy định: “- Phạm đánh lộn với người, nếu đánh bằng tay chân không gây thương tích thì phạt 20 roi làm người bị thương dù không phải đánh tay hay lấy vật gì đánh không gây thương tích thì bị phạt 30 roi. Còn như dùng vật gì đánh người có thương tích thì phạt 40 roi. Chỗ da thịt bị đánh sưng vù lên, bầm xanh hoặc đỏ, vết thương ấy không do tay chân gây ra thì đều bị coi là do vật khác cầm trong tay, như cầm vũ khí, không dùng mũi nhọn, chỉ dùng sừng đao, cán đao đánh người thì cũng coi là vật khác. Còn như bứt tóc người có một tấc vuông trở lên thì phạt 50 roi. Nếu đánh người máu ộc ra từ mắt và tổn thương nội tạng phủ đến thổ huyết thì phạt 80 trượng. Nếu chỉ rách da chảy máu hoặc chảy máu mũi thì vẫn xử theo luật gây thương tích”. Cách quy định này cho thấy mức độ chi tiết cao của điều luật, nhằm bảo đảm tính khả thi trong áp dụng và hạn chế sự tùy tiện trong xét xử, dù đồng thời cũng làm giảm mức độ linh hoạt trong việc cá thể hóa hình phạt.

Thứ năm, bên cạnh sự cụ thể hóa, *Hoàng Việt luật lệ* vẫn thừa nhận khả năng tồn tại những trường hợp mà pháp luật chưa dự liệu đầy đủ. Do đó, bộ luật đã thiết lập cơ chế xử lý trong trường hợp “vô chính điều” (Trương Quang Vinh, 2008, tr. 41). Điều 43 quy định: “Phạm luật, lệ ghi chép không hết được sự lý, nếu xử tội không có điều chính xác thì người ta viện dẫn ở luật khác với việc đồng hóa và so sánh để biết cái nào thêm, cái nào bớt. Định xử tội danh (giải pháp là quyền của thượng ty), sau khi nơi đó nghị xử, làm báo cáo tâu lên vua. Nếu xử phạt ngay thì làm cho tội phạm bị thêm bớt là bởi sự lầm lẫn cố ý (của lại điển, pháp quan)”. Quy định này cho thấy việc áp dụng pháp luật trong những trường hợp không có điều khoản cụ thể phải chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cấp trên, đặc biệt là nhà vua, nhằm hạn chế sự tùy tiện trong xét xử.

Thứ sáu, Bộ *Hoàng Việt luật lệ* được cấu trúc thành hai phần cơ bản: phần Danh lệ (quy định chung) và phần bản điều (quy định về các tội phạm cụ thể). Trong đó, các quy định mang tính nguyên tắc chung, bao gồm cả những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xuất hiện tương đối hạn chế trong phần Danh lệ mà chủ yếu được thể hiện trực tiếp trong từng điều luật cụ thể (Trần Thị Quang Vinh, 2002, tr. 58). Cách tiếp cận này phản ánh đặc trưng của pháp luật phong kiến, khi các quy phạm mang nặng tính thực nghiệm, ít được khái quát hóa ở mức độ trừu tượng như pháp luật hiện đại. Thay vì xây dựng các nguyên tắc chung có tính bao quát, nhà làm luật lựa chọn cách cụ thể hóa ngay trong từng trường hợp phạm tội, bảo đảm tính trực tiếp và dễ áp dụng.

Ngoài ra, bộ luật còn quy định phương pháp “điều luật so sánh”, với 30 điều làm mẫu cho việc áp dụng pháp luật tương tự. Đây là một kỹ thuật lập pháp đáng chú ý, cho phép quan xét xử vận dụng các quy định hiện có để xử lý những hành vi tương tự chưa được quy định trực tiếp. Ví dụ: “Điều 3: Đem bán thịt heo, dê có rải nước và lúa gạo, trộn cát, đất bán cho người mua, thì sách theo việc khách buôn trộn lẫn đất, cát vào muối công quản, phạt 80 trượng”; “Điều 4: Nam nữ định hôn chưa từng đến ngõ, lén tư thông thì phạt 100 trượng”; “Điều 5: Làm mất chìa khóa cổng kinh thành, thì sách luật làm mất ấn tín, phạt 90 trượng, đồ 2,5 năm”; “Điều 19: Anh bông đùa với em vợ, thì sách theo luật cưỡng dâm chưa thành, phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm”. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng nguyên tắc “điều luật so sánh” chỉ được áp dụng khi không có quy định trực tiếp điều chỉnh hành vi và vẫn đặt dưới sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền, nhằm bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật.

Những đặc trưng nêu trên cho thấy chế định hình phạt trong pháp luật triều Nguyễn được xây dựng trên sự kết hợp giữa tính nghiêm minh trong trừng trị và những cơ chế bổ sung nhằm bảo đảm khả năng áp dụng trong thực tiễn. Chính từ cách thức thiết kế này, việc xem xét sâu hơn các giá trị và ý nghĩa của chế định hình phạt không chỉ giúp làm rõ diện mạo của pháp luật triều Nguyễn mà còn gợi mở những vấn đề đáng chú ý trong việc tiếp cận và hoàn thiện chính sách hình sự ở Việt Nam hiện nay.

4. Giá trị kế thừa của chế định hình phạt triều Nguyễn trong hoàn thiện chính sách hình sự ở Việt Nam hiện nay

Những phân tích về chế định hình phạt trong *Hoàng Việt luật lệ* ở trên cho phép chúng ta rút

ra một số giá trị kế thừa quan trọng với việc hoàn thiện chính sách hình sự ở Việt Nam hiện nay như sau:

Thứ nhất, một giá trị nổi bật là tư duy đề cao vai trò của hình phạt như công cụ bảo vệ trật tự xã hội. Trong pháp luật triều Nguyễn, hình phạt được đặt ở vị trí trung tâm, gắn trực tiếp với yêu cầu duy trì kỷ cương phép nước. Điều này gợi mở cho chính sách hình sự hiện nay ở chỗ: trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh và phát sinh nhiều loại tội phạm mới, việc xác định rõ những lĩnh vực, quan hệ xã hội cần ưu tiên bảo vệ bằng công cụ hình sự vẫn là yêu cầu quan trọng. Chính sách hình sự vì vậy cần tiếp tục nhấn mạnh tính răn đe đối với các hành vi xâm phạm trật tự công cộng, an ninh quốc gia, tham nhũng và các tội phạm có tổ chức.

Thứ hai, tư duy kết hợp giữa nghiêm trị và khoan hồng trong pháp luật triều Nguyễn cũng có giá trị tham khảo nhất định. Mặc dù quy định hình phạt thời kỳ này rất hà khắc, nhưng việc lượng hình vẫn có sự cân nhắc đến hoàn cảnh, động cơ và quan hệ xã hội của người phạm tội lại là kinh nghiệm cần được học tập. Điều này tương đồng với định hướng chính sách hình sự hiện nay là kết hợp giữa trừng trị và giáo dục, cải tạo. Trên phương diện chính sách, điều đó thể hiện ở việc mở rộng các cơ chế giảm nhẹ, miễn trách nhiệm hình sự, tăng cường các biện pháp thay thế hình phạt tù và đề cao khả năng tái hòa nhập xã hội của người phạm tội.

Thứ ba, việc pháp luật triều Nguyễn can thiệp vào cả lĩnh vực đạo đức, luân lý cho thấy một quan niệm coi trọng bảo vệ các giá trị nền tảng của xã hội thời kỳ đó, đặc biệt là trật tự gia đình và các giá trị đạo đức. Dù trong điều kiện hiện nay, pháp luật không còn hình sự hóa các chuẩn mực đạo đức theo cách trực tiếp như trước, nhưng ở góc độ chính sách, vẫn có thể kế thừa ở việc xác định những giá trị cốt lõi cần được bảo vệ bằng pháp luật hình sự, như bảo vệ gia đình, trẻ em, danh dự, nhân phẩm của con người. Điều này thể hiện ở xu hướng tăng cường xử lý các hành vi đi ngược lại các chuẩn mực đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đặc biệt trong môi trường số.

Thứ tư, kinh nghiệm về kỹ thuật lập pháp trong quy định cụ thể, chi tiết các hành vi và hình phạt của Hoàng Việt luật lệ có giá trị tham khảo đối với việc hoàn thiện chính sách theo hướng nâng cao tính minh bạch và khả năng dự báo của pháp luật hình sự. Theo đó, chính sách hình sự hiện nay cần hướng tới mục tiêu không chỉ dừng ở việc xác định tội phạm và hình phạt mà còn phải bảo đảm để người dân có thể nhận biết rõ ranh giới giữa hợp pháp và bất hợp pháp, và hạn chế tối đa cách hiểu khác nhau trong áp dụng trên thực tế.

Thứ năm, từ việc tồn tại cơ chế “vô chính điều” và “điều luật so sánh” trong Hoàng Việt luật lệ có thể rút ra bài học về chính sách xử lý trong điều kiện pháp luật chưa bao quát hết thực tiễn. Trong bối cảnh hiện nay, khi các dạng hành vi mới liên tục xuất hiện, chính sách hình sự cần chú trọng hoàn thiện pháp luật kịp thời, đồng thời nâng cao năng lực giải thích và áp dụng pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, khác với pháp luật phong kiến, việc mở rộng áp dụng tương tự trong lĩnh vực hình sự cần được kiểm soát chặt chẽ nhằm bảo đảm nguyên tắc pháp chế.

Cuối cùng, có thể nhận thấy một giá trị đáng chú ý là xu hướng tiết chế dần tính tàn khốc của hình phạt ngay trong pháp luật triều Nguyễn. Việc loại bỏ nhiều cực hình so với pháp luật phong kiến Trung Quốc cho thấy, dù trong khuôn khổ chế độ quân chủ, các nhà lập pháp vẫn có ý thức điều chỉnh mức độ trừng phạt theo hướng bớt hà khắc hơn. Điều này đem đến gợi ý đối với chính sách hình sự của Việt Nam hiện nay, đó là việc tiếp tục thúc đẩy quá trình nhân đạo hóa pháp luật hình sự, thể hiện ở việc thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình, mở rộng các hình phạt không tước tự do và ngày càng đề cao yêu cầu bảo đảm quyền con người trong xử lý tội phạm.

5. Kết luận

Chế định hình phạt trong pháp luật triều Nguyễn, được thể hiện tập trung trong Bộ Hoàng Việt luật lệ, phản ánh tư duy lập pháp và quan niệm quản lý xã hội của nhà nước phong kiến Việt Nam thời kỳ đầu thế kỷ XIX. Hệ thống hình phạt được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữ tính nghiêm minh của tư tưởng pháp trị và nền tảng đạo đức của Nho giáo, vừa nhằm trừng trị hành vi vi phạm, vừa hướng tới duy trì trật tự xã hội và các chuẩn mực luân lý truyền thống. Với cấu trúc chặt chẽ, cách quy định cụ thể,

cùng các cơ chế hỗ trợ như các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hay áp dụng điều luật tương tự, chế định này đã tạo ra một khuôn khổ pháp lý quan trọng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội thời kỳ đó. Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, tuy không tiếp nhận trực tiếp, nhưng những giá trị về tư duy lập pháp, cách xác định vai trò của hình phạt, cũng như định hướng kết hợp giữa nghiêm trị và nhân đạo vẫn có ý nghĩa tham chiếu nhất định. Việc tiếp thu, kế thừa có chọn lọc các giá trị này góp phần hoàn thiện chính sách hình sự ở Việt Nam theo hướng vừa bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, vừa tôn trọng quyền con người, quyền công dân đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong bối cảnh mới.

Tài liệu tham khảo

- Lương Duy Thứ (Chủ biên) (1998). *Đại cương văn hóa phương Đông*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Tài Thu (1993). Vai trò đạo Khổng trong sự hình thành và áp dụng pháp luật ở Việt Nam. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (5).
- Nguyễn Thanh Tùng (2025). Giá trị lịch sử của quyền phụ nữ trong pháp luật phong kiến Việt Nam. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, Kỳ 2 tháng 10.
- Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, & Trần Hựu (1994). *Hoàng Việt luật lệ* (Nguyễn Quyết Thắng & Nguyễn Văn Tài, Dịch và giới thiệu; Tập 1). NXB Văn hóa – Thông tin.
- Trần Thị Quang Vinh (2002). Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong pháp luật phong kiến Việt Nam. *Tạp chí Luật học*, (5), 58–62.
- Trương Quang Vinh (Chủ biên) (2008). *Tội phạm và hình phạt trong Hoàng Việt luật lệ*. NXB Tư pháp.
- Vũ Văn Mẫu (1975). *Cổ luật Việt Nam và tư pháp sử* (Quyển 2).

QUYỀN TÀI SẢN ĐỐI VỚI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT GẮN...

Tiếp theo trang 269

3. Kết luận

Phá dỡ nhà chung cư không làm chấm dứt quyền tài sản đối với quyền sử dụng đất mà làm thay đổi hình thức thực hiện quyền. Do đó, pháp luật cần hoàn thiện cơ chế chuyển đổi quyền, định giá bồi thường theo giá thị trường, bảo lãnh tiến độ và tỷ lệ đồng thuận phù hợp, qua đó bảo vệ quyền lợi cư dân và hài hòa lợi ích giữa cư dân, chủ đầu tư và Nhà nước.

Tài liệu tham khảo

- Báo Dân trí (2016). *Giá trị thực của một căn hộ*. <https://dantri.com.vn/nha-dat/gia-tri-thuc-cua-mot-can-ho-20160106091330144.htm>
- Chính phủ (2024). *Nghị định 98/2024/NĐ-CP. ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2024*.
- Doãn Hồng Nhung (2021). *Sở hữu chung theo phần đối với quyền sử dụng đất trong các dự án phát triển nhà ở chung cư ở Việt Nam*. *Tạp chí Pháp luật và Phát triển*. Số 05/2021.
- Đình Sơn (2026). *Chung cư có thời hạn: Quyền tài sản của người dân được bảo vệ*. <https://thanhnien.vn/chung-cu-co-thoi-han-quyen-tai-san-cua-nguoi-dan-duoc-bao-ve-185260820221217604.htm>
- Hà Lan (2023). *Nhầm lẫn giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng tài sản?*. <https://daibieunhandan.vn/nham-lan-giua-quyen-so-huu-va-quyen-su-dung-tai-san-10304675.html>
- Ngọc Diễm (2026). *Lo ngại áp dụng 'cào bằng' hệ số K khi thu hồi đất*. <https://vnexpress.net/lo-ngai-ap-dung-cao-bang-he-so-k-khi-thu-hoi-dat-5084859.html>
- Nguyễn Hoàng Long (2018). *Quyền tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015*. <https://danchuphapluat.vn/quyen-tai-san-theo-quy-dinh-cua-bo-luat-dan-su-nam-2015-3880.html>
- Nguyễn Minh Tuấn (2020). *Bản chất vật quyền và quyền tài sản đối với nhà chung cư trong pháp luật dân sự Việt Nam*. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*. Số 18(418). tr. 25-32.
- Thủy An (2026). *Đề nghị bảo lưu quyền sở hữu căn hộ khi chung cư phải phá dỡ*. <https://vtv.vn/de-nghi-bao-luu-quyen-so-huu-can-ho-khi-chung-cu-phai-pha-do-100260821162359591.htm>
- Thủy Chi (2024). *Kỳ vọng gỡ điểm nghẽn trong cải tạo lại chung cư cũ nhờ những quy định mới*. <https://thanglong.chinhphu.vn/ky-vong-go-diem-nghen-trong-cai-tao-lai-chung-cu-cu-nho-nhung-quy-dinh-moi-103240715163750302.htm>
- Japanese Law Translation (1962). *Act on Building Unit Ownership, etc. (Act No. 69 of 1962)*. <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3925/en>
- 菱地所の住まいリレー (2024). *マンション建替え円滑化法*. <https://www.mec-h.com/words/detail?n=2227>
- INA (2025). *Understanding the One Complex Certification and Comprehensive Design System*. <https://media.ina-gr.com/en/archives/column/integrated-site-and-comprehensive-design-schemes>